

Số: 34/2014/QĐ-UBND

Kon Tum, ngày 30 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trên địa bàn tỉnh và hộ nghèo ở các xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn sống bằng nghề lâm nghiệp, nông nghiệp theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2013/TTLT-UBND-BTC-BTNMT ngày 18/11/2013 của Ủy ban Dân tộc - Bộ Tài chính - Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 184/STNMT-TT ngày 05/5/2014 và ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 67/BC-STP ngày 21/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức bình quân diện tích đất sản xuất cho mỗi hộ gia đình là hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo (*kể cả trường hợp vợ hoặc chồng là người dân tộc thiểu số*) trên địa bàn tỉnh và hộ nghèo (*tiêu chí hộ nghèo áp dụng theo quy định hiện hành*) sống bằng nghề lâm nghiệp, nông nghiệp ở các xã, thôn, làng đặc biệt khó khăn như sau:

- a) Hoặc đất rừng sản xuất: 01ha.
- b) Hoặc đất nương rẫy (*bao gồm đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm khác và đất nông nghiệp khác*): 0,5ha.
- c) Hoặc đất trồng lúa nước 01 vụ: 0,25ha.
- d) Hoặc đất trồng lúa nước 02 vụ trở lên: 0,15ha.
- đ) Hoặc đất nuôi trồng thủy sản: 0,25ha.

Mức bình quân diện tích đất nêu trên là cơ sở để so sánh đối chiếu, xác định đối tượng hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo thiếu đất sản xuất và mức thụ hưởng chính sách hỗ trợ theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND huyện, thành phố có trách nhiệm rà soát, tổng hợp các hộ gia đình Quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này để giải quyết đất sản xuất và các khoản hỗ trợ theo quy định.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các Sở, ban, ngành có liên quan hướng dẫn, tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Ủy ban Dân tộc;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Sở Tài chính;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Lưu: VT, KTN5, 4, VX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hùng